

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **44**/2022/DS-ST

Ngày: 20 – 09 – 2022.

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng và ông Y Yáo Bkrông.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2022/TLST – DS, ngày 08 tháng 6 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thanh T. Nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện K, Tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị L. Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện Kr, Tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2022, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên vào khoảng tháng 12/2018 tôi có cho ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị L nợ số tiền mua vật liệu xây dựng và phân bón với tổng số tiền 70.000.000đồng, các bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng và hẹn vào ngày 26/12/2019 (âm lịch) tức ngày 20/01/2020 dương lịch trả. Đến hạn trả nợ ông H, bà L không có tiền trả nên các bên tiến hành thỏa có lập lại giấy với nội dung, ông H, bà L vay số tiền gốc 70.000.000 đồng, có ghi thêm tiền lãi của năm 2019 là 8.400.000 đồng, các bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng và hẹn vào tháng 3 âm lịch thì trả, không ghi cụ thể ngày nhưng tôi xác định ngày trả là ngày 30/3/2020 âm lịch nhằm ngày 22/4/2020 dương lịch, ông H là người trực tiếp ký tên dưới mục người vay tiền, sau khi lập giấy vay mới thì giấy xác nhận nợ năm 2018 các bên đã hủy bỏ.

Vào ngày 28/6/2020 (âm lịch) nhằm ngày 17/8/2020 dương lịch bà L đã trả cho tôi được số tiền 25.000.000 đồng và ký xác nhận người trả nợ dưới giấy vay tiền, hiện ông H, bà L còn nợ tôi số tiền 45.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, mặc dù tôi đã đòi rất nhiều lần nhưng ông H, bà L cứ khất nợ không chịu trả. Nay tôi khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị L trả số tiền gốc là 45.00.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến nay. Đối với số tiền lãi 8.400.000 đồng của năm 2019 tôi không yêu cầu.

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:** Vào năm 2004 tôi có mua vật liệu xây dựng của bà T và có nợ lại số tiền 12.000.000 đồng. Sang năm 2005 khi không có tiền trả thì bà T cùng vợ chồng tôi thỏa thuận chuyển số tiền nợ vật liệu sang giấy vay với số tiền gốc là 12.000.000 đồng và lãi suất các bên thảo thuận là 30%/tháng. Đến 2016 do vợ chồng tôi không trả được nợ nên bà T tính tiền lãi, gốc thành số tiền 60.000.000 đồng. Từ năm 2016

đến năm 2019 vợ chồng tôi đã trả số tiền lãi mỗi năm 18.000.000 đồng, toàn bộ giấy tờ xác nhận nợ do bà T giữ. Vào ngày 26/12/2019 do không có khả năng trả tiền lãi năm 2019 nên giữa tôi và bà T có xác lập một giấy vay mới, cộng gốc và lãi là 70.000.000 đồng và ghi thêm tiền lãi năm 2019 là 8.400.000 đồng, các bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng và hạn vào tháng 3 âm lịch trả nợ, tôi là người trực tiếp ký dưới phần người vay trong giấy xác nhận nợ.

Đến 2020 vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng tôi xin bà T chỉ trả 30.000.000 đồng trong số tiền 60.000.000 đồng nợ trước đó, bà T đã đồng ý nhưng việc hứa hẹn này không lập thành văn bản. Vào ngày 28/6/2020 bà L đã trả cho bà T số tiền 25.000.000đồng, còn nợ lại 5.000.000 đồng, bà L có ký tên xác nhận người trả tiền trong giấy vay. Nay bà T kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền nợ 45.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì tôi không đồng ý, tôi đồng ý trả cho bà T số tiền vay gốc là 5.000.000đ như bà T đã hứa hẹn.

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Hà Thị L trình bày:**
Tôi (L) là vợ của ông H, đồng ý với ý kiến trình bày của ông H, nay bà T kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền nợ 45.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tôi không đồng ý, chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền vay gốc là 5.000.000đ như bà T đã hứa hẹn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở Phiên họp và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bên đương sự giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả 45.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị L có trách nhiệm trả số tiền vay 45.000.000 đồng, cùng lãi suất phát sinh.

Xét thấy, ông Nguyễn Văn H, bà Hà Thị L cho rằng số tiền 70.000.000đ mà ông Nguyễn Văn H viết giấy xác nhận nợ với bà Lê Thị Thanh T vào ngày 26/12/2019 âm lịch, tức ngày 20/01/2020 dương lịch, xuất phát từ số tiền 12.000.000đ của bà T cho ông H, bà L nợ tiền vật liệu xây dựng từ năm 2004, với lãi suất là 30%/tháng. Đến năm 2016 do không trả được nợ nên bà T tính tiền lãi, gốc thành số tiền 60.000.000 đồng. Từ năm 2016 đến năm 2019 ông H, bà L đã trả số tiền lãi mỗi năm 18.000.000 đồng, đến ngày 26/12/2019 bà T gọi ông H ra tính lãi cộng với số tiền gốc 12.000.000đ thành số tiền 70.00.000đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông H và bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, đồng thời thừa nhận ông Nguyễn Văn H có xác lập giấy vay ngày 26/12/2019 để vay 70.00.000đ của bà T, đến ngày 28/6/2020 (âm lịch) tức ngày

17/8/2020 dương lịch, bà L đã trả cho bà T số tiền 25.000.000 đồng, còn lại chưa thanh toán.

Xét thấy, giấy vay lập ngày 26/12/2019 (âm lịch), tức ngày 20/01/2020 dương lịch đối với số tiền 70.000.000đ giữa bà Lê Thị Thanh T và Nguyễn Văn H là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật. Thời hạn trả ngày 30/03/2020 (âm lịch) nhằm 22/04/2020 dương lịch, nhưng đến ngày 28/6/2020 (âm lịch), tức ngày 17/8/2020 dương lịch, mới trả cho bà T số tiền 25.000.000 đồng, còn lại 45.000.000 đồng chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự (BLDS).

Tại khoản 1 Điều 466 của BLDS quy định:

1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Buộc Nguyễn Văn H, bà Hà Thị L trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền còn nợ 45.000.000đ.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất và điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy, tại thời điểm vay, các bên thỏa thuận lãi suất 2%/01 tháng là cao hơn so với quy định của Bộ luật dân sự, nên phần lãi suất vượt quá so với lãi suất giới hạn không có hiệu lực, cần điều chỉnh lãi cho phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, lãi suất được tính như sau:

- Lãi trong hạn từ ngày 20/01/2020 đến ngày 22/04/2020: 70.000.000 đồng x 20% x 92 ngày = 3.528.767 đồng.

- Lãi của lãi trong hạn từ ngày 23/04/2020 đến ngày 19/09/2022: 3.528.767 đồng x 10% x 877 ngày = 847.870 đồng.

- Lãi quá hạn của số tiền 70.000.000 đồng từ ngày 23/04/2020 đến ngày 17/08/2020: 70.000.000 đồng x 20% x 150% x 115 ngày = 6.616.438 đồng.

- Lãi quá hạn của số tiền 45.000.000 đồng từ ngày 18/08/2020 đến ngày 19/09/2022: 45.000.000 đồng x 20% x 150% x 761 ngày = 28.146.575 đồng

Tổng tiền lãi bị đơn có trách nhiệm trả 39.139.650 đồng

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trả lại cho bà Lê Thị Thanh T 2.094.200 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0006181, ngày 06/06/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T.

1. Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hà Thị L có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Thanh T tổng số tiền 84.139.650 đồng. (Tám mươi bốn triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2022) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án (ông Nguyễn Văn H, bà Hà Thị L) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Hà Thị L phải chịu 4.206.982 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho bà Lê Thị Thanh T 2.094.200 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0006181, ngày 06/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk..

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Hoàng Trí Lý

